

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố, công khai số liệu thực hiện dự toán
ngân sách quý I năm 2022 trên địa bàn huyện Tân Châu

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN CHÂU

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/06/2015;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25/06/2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định cho tiết thi hành một số điều Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Nghị quyết số 50/NQ-HĐND ngày 17/12/2021 của Hội đồng nhân dân huyện Tân Châu về phê chuẩn phương án phân bổ ngân sách địa phương năm 2022;

Căn cứ Quyết định số 7200/QĐ-UBND ngày 20/12/2021 của UBND huyện Tân Châu về việc giao dự toán thu – chi Ngân sách Nhà nước năm 2022 trên địa bàn huyện Tân Châu;

Xét đề nghị của Phòng Tài chính – KH huyện tại Tờ trình số 61/TTr-TCKH ngày 07 tháng 04 năm 2022,


QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố, công khai số liệu thực hiện dự toán thu, chi ngân sách nhà nước quý I năm 2022 của UBND huyện Tân Châu.

Kèm theo phụ biểu chi tiết.

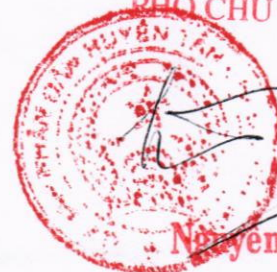
Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng HĐND – UBND huyện, Trưởng Phòng Tài chính – KH huyện, Chi cục Trưởng Chi cục Thuế huyện, Giám đốc Kho bạc Nhà nước huyện, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị sử dụng ngân sách địa phương và Chủ tịch UBND các xã, thị trấn tổ chức thực hiện theo Quyết định này.

Nơi nhận: 
- UBND tỉnh;
- Sở Tài chính;
- TT.Huyện ủy;
- TT.HĐND huyện;
- CT và các PCT UBND huyện;
- Như Điều 3;
- Lưu Vp. HĐND-UBND.

K/ CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Thị Phương



CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH HUYỆN QUÝ I NĂM 2022

(Kèm theo Quyết định số: 1312/QĐ-UBND ngày 12 tháng 04 năm 2022 của UBND huyện Tân Châu)

Đơn vị: Triệu đồng

| STT | NỘI DUNG | Dự toán năm 2022 | Thực hiện quý I năm 2022 | So sánh thực hiện với (%) | |
|------------|--|------------------|--------------------------|---------------------------|----------------|
| | | | | Dự toán năm | So với cùng kỳ |
| A | B | 1 | 2 | 3=2/1 | 4 |
| A | TỔNG NGUỒN THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN | 459,250 | 258,042 | 56.19 | 97.31 |
| I | Thu cân đối NSNN | 458,490 | 153,448 | 33.47 | 146.87 |
| 1 | Thu nội địa được hưởng theo phân cấp | 323,340 | 106,938 | 33.07 | 153.41 |
| 2 | Thu viện trợ | | | | |
| 3 | Thu bổ sung cân đối từ NS tỉnh | 135,150 | 46,510 | 34.41 | 133.76 |
| II | Thu từ bổ sung có mục tiêu NS tỉnh | 760 | 104,594 | 13,762.37 | 65.08 |
| III | Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang | | | | |
| B | TỔNG CHI NGÂN SÁCH HUYỆN | 459,250 | 92,665 | 20.18 | 97.78 |
| I | Tổng chi cân đối ngân sách huyện | 458,490 | 92,665 | 20.21 | 100.94 |
| 1 | Chi đầu tư phát triển | 67,620 | 7,244 | 10.71 | 57.36 |
| 2 | Chi thường xuyên | 381,700 | 85,421 | 22.38 | 109.85 |
| 3 | Dự phòng | 9,170 | | - | - |
| 4 | Chi tạo nguồn CCTL | - | | | - |
| III | Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ NS cấp tỉnh | 760 | | - | - |
| IV | Chi các khoản thu để lại quản lý qua NSNN | | | | - |

